

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 20.08/CV-CD ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3745/TTr-CCBVMT ngày 11 tháng 9 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung, địa chỉ trụ sở chính tại ấp Hòa Thành, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác cát Mỏ cát xây dựng suối Láng Loi, hồ Dầu Tiếng tại xã Minh Hòa và xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Mỏ cát xây dựng suối Láng Loi, hồ Dầu Tiếng.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Minh Hòa và xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp 3700560242 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 12 năm 2022.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 745/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

1.5. Giấy phép khai thác khoáng sản số 110/GP-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Thời hạn khai thác 5 năm, kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2020.

1.6. Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 32/GP-TCTL-PCTTr ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tổng Cục thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.7. Mã số thuế: 3700560242.

1.8. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản (*cát xây dựng*).

1.9. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 110/GP-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì diện tích khu vực khai thác là 10ha với công suất khai thác là 30.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/năm.

- Mỏ cát xây dựng Láng Loi, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Mỏ cát xây dựng Láng Loi, hồ Dầu Tiếng có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý của bãi tập kết cát ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy

phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung có trách nhiệm:

2.1. Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan về đất đai, khoáng sản, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan trước khi thực hiện khai thác cát.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: ... năm ... tháng .... ngày.**

(Từ ngày ..... tháng ..... năm 2024 đến ngày 12 tháng 11 năm 2025, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 110/GP-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Văn bản đề nghị số 20.08/CV-CD ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung).

**Điều 4.** Giao Chi cục bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mỏ cát xây dựng Láng Loi của Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Doanh nghiệp tư nhân Châu Dung;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện Dầu Tiếng;
- Phòng TNN-KS;
- Thanh tra Sở;
- UBND xã Minh Hòa;
- UBND xã Định An;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyen7.

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-STNMT ngày .... tháng .... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

### 1. Nguồn phát sinh nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát số 01 với lưu lượng khoảng 0,15 m<sup>3</sup>/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực văn phòng bãi tập kết cát số 1 với lưu lượng khoảng 0,4 m<sup>3</sup>/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực văn phòng bãi tập kết cát số 2 với lưu lượng khoảng 0,4 m<sup>3</sup>/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát số 02 với lưu lượng khoảng 0,15 m<sup>3</sup>/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình bơm cát khu vực bãi cát số 1 với lưu lượng phát sinh khoảng 603,5 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình bơm cát khu vực bãi cát số 2 với lưu lượng phát sinh khoảng 603,5 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** hồ Dầu Tiếng thuộc xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả thải số 01 (nước thải tương ứng với nguồn số 05): hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Hòa Thành, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X = 1 267 915; Y = 571 930.

- Điểm xả thải số 02 (nước thải tương ứng với nguồn số 06): hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Hòa Lộc, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , vĩ chiều  $3^{\circ}$ ): X = 1265 366; Y = 568 116.

- Điểm xả nước thải ra Hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.207 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải phát sinh từ bãi tập kết số 1 sau xử lý chảy ra hồ Dầu Tiếng theo đường ống nhựa HDPE, đường kính 200mm, dài 5m.

- Nước thải phát sinh từ bãi tập kết số 2 sau xử lý chảy ra hồ Dầu Tiếng theo đường ống nhựa HDPE, đường kính 200mm, dài 5m.

- Hình thức xả thải: tự chảy.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Giá trị giới hạn chất gây ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $K_q = 1,0$ ;  $K_f = 1,0$ ).

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /ngày	1.207	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6 đến 9		
3	TSS	mg/l	50		
4	COD	mg/l	75		
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30		
6	Amoni	mg/l	5		
7	Tổng Nitơ	mg/l	20		
8	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4		
9	Sunfua	mg/l	0,2		
10	Clorua	mg/l	500		
11	Fe	mg/l	1		
12	Cd	mg/l	0,05		
13	Zn	mg/l	3		

14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
15	Coliform	MPN/100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát số 01 định kỳ được thu gom bằng đường ống dẫn cao su mềm đường kính 110mm, dài 25m tự chảy về lưu chứa trong 03 bồn nhựa composite (*số 01*) dung tích 12 m<sup>3</sup> (mỗi bồn nhựa dung tích 04 m<sup>3</sup>/bồn); định kỳ Doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực văn phòng bãi tập kết cát số 1 được thu gom, xử lý qua bể tự hoại (*dung tích 9m<sup>3</sup>, có chống thấm*), sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, dài 10m tự chảy về lưu chứa trong 03 bồn nhựa composite (*số 01*) dung tích 12 m<sup>3</sup> (mỗi bồn nhựa dung tích 04 m<sup>3</sup>/bồn); định kỳ Doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu vực văn phòng bãi tập kết cát số 2 được thu gom, xử lý qua bể tự hoại (*dung tích 9m<sup>3</sup>, có chống thấm*), sau đó theo đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, dài 10m tự chảy về lưu chứa trong 3 bồn nhựa composite (*số 02*) dung tích 12 m<sup>3</sup> (mỗi bồn nhựa dung tích 04 m<sup>3</sup>/bồn); định kỳ Doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát số 02 định kỳ được thu gom bằng đường ống dẫn cao su mềm đường kính 110mm, dài 25m tự chảy về lưu chứa trong 3 bồn nhựa composite (*số 02*) dung tích 12 m<sup>3</sup> (mỗi bồn nhựa dung tích 04 m<sup>3</sup>/bồn); định kỳ Doanh nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát số 1 được thu gom về công trình xử lý số 1 bằng mương hở có kích thước dài 20m, rộng trên 3m, rộng đáy 1m, sâu 1m.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát số 2 được thu gom về công

trình xử lý số 2 bằng mương hở có kích thước dài 20m, rộng trên 3m, rộng đáy 1m, sâu 1m.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

### **1.2.1. Công trình xử lý số 01 (nguồn số 05)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát số 1 => Bể lắng 1 => Bể lắng 2 => Bể lắng 3 => Thải ra môi trường (hồ Dầu Tiếng).

- Công suất thiết kế:

+ Bể lắng 1: dung tích chứa 1.800 m<sup>3</sup>.

+ Bể lắng 2: dung tích chứa 2.400 m<sup>3</sup>.

+ Bể lắng 3: dung tích chứa 3.000 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

### **1.2.2. Công trình xử lý số 02 (nguồn số 06)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát số 2 => Bể lắng 1 => Bể lắng 2 => Bể lắng 3 => Thải ra môi trường (hồ Dầu Tiếng).

- Công suất thiết kế:

+ Bể lắng 1: dung tích chứa 1.800 m<sup>3</sup>.

+ Bể lắng 2: dung tích chứa 2.400 m<sup>3</sup>.

+ Bể lắng 3: dung tích chứa 3.000 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

## **1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải sinh hoạt, tiến hành ngưng hoạt động sinh hoạt của khu vực nhà vệ sinh để tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (cụm hồ lắng) xảy ra sự cố (sạt lở, vỡ hồ): ngưng ngay việc bơm hút cát lên bãi chứa để khắc phục; trong trường hợp vỡ các hồ lắng Công ty phải tạm ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại cụm hồ lắng để nước không thoát ra môi trường đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy



chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát theo dõi hoạt động của mương thoát nước, các hồ lắng để có biện pháp gia cố, khắc phục kịp thời, đồng thời có biện pháp khơi thông dòng chảy tránh tắc nghẽn.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường (*hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý*).

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị,... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

**Phụ lục 2**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-STNMT ngày .... tháng ..... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn phát sinh tại khu vực moong khai thác của mỏ từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới và vận chuyển cát từ khai trường về bãi tập kết cát và đi tiêu thụ.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Khu vực trung tâm khai trường (hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 1263 444; Y = 568 008.

- Khu vực trung tâm bãi tập kết cát số 1 (hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 1267 985; Y = 571 975.

- Khu vực trung tâm bãi tập kết cát số 2 (hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 1265 246; Y = 568 149.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-STNMT ngày .... tháng ..... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	70
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	NH	Lỏng	40
4	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	Rắn	20
5	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	10
6	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	KS	Rắn	100
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	100
TỔNG KHỐI LƯỢNG					350

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải nạo vét từ mương thoát nước, hồ lắng.	Rắn/bùn	300
2	Sắt thép phế liệu thải không nhiễm chất nguy hại (linh kiện của máy móc thiết bị)	Rắn	200
	<b>Tổng</b>		<b>500</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...*), rác thải vô cơ (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...*) với khối lượng khoảng 300 kg/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 07 thùng nhựa HDPE loại 120 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại tại bãi tập kết cát số 1 là 10m<sup>2</sup> và diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại tại bãi tập kết cát số 2 là 10m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: vách gạch bao xung quanh, mái tôn, nền bê tông chống thấm đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: không có.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải trong nhà: 20m<sup>2</sup> tại bãi tập kết cát số 2.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: có nền bê tông chống thấm, tường bao quanh bằng tôn, mái che tôn, có cửa ra vào.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Đối với đá sỏi quá cỡ, bùn nạo vét hồ lắng: bố trí bãi chứa 100m<sup>2</sup> thu gom và sử dụng cho các công tác đắp đê bao.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 04 thùng nhựa HDPE 60 lít, có nắp đậy bố trí trên 02 tàu hút và trên mặt bằng bãi tập kết cát.
- Vị trí tập kết thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt trong khuôn viên khu vực văn phòng, đặt gần cổng ra vào khu nhà văn phòng.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa và Ủy ban nhân dân xã Định An, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự huyện Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa và Ủy ban nhân dân xã Định An về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa và Ủy ban nhân dân xã Định An nơi xảy ra sự cố, Ban Chỉ huy phòng thủ

dân sự huyện Dầu Tiếng, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-STNMT ngày .... tháng .... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:****1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính.****- Khu vực khai trường khai thác:**

+ Thực hiện trục vớt toàn bộ phao, xích, rùa, máy móc thiết bị phục vụ khai thác ra khỏi khai trường khai thác.

+ Di dời các thiết bị khai thác lên bờ, rút các ống hút cát ra khỏi khai trường.

+ Đo vẽ địa hình đáy đoạn thuộc khu vực khai thác.

**- Khu vực bãi tập kết cát và văn phòng phụ trợ:**

+ Trồng 1 hàng cây xanh xung quanh khu vực bãi chứa tập kết cát.

+ San gạt mặt bằng bãi cát, tháo dỡ các hạng mục công trình đã xây dựng về nguyên trạng ban đầu.

**- Các công tác cải tạo phục hồi môi trường khác:**

+ Cải tạo phục hồi môi trường khác: thực hiện duy tu tuyến đường vận chuyển vào mỏ.

+ Quan trắc, đánh giá chất lượng nước mặt, bùn đáy khu vực khai thác.

+ Quan trắc chất lượng môi trường không khí, đất tại khu vực bãi tập kết..

**2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ.**

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
<b>A</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Cải tạo khu vực bãi tập kết cát và khu văn phòng phụ trợ</b>			
1	Trồng cây xanh xung quanh bãi tập kết cát	cây	584	Đã hoàn thành
	Khu bãi tập kết cát số 1	cây	120	
	Khu bãi tập kết cát số 2	cây	464	
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH TIẾP TỤC THỰC HIỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Cải tạo khu vực khai trường khai thác</b>			



STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Dò tìm, thu dọn các chướng ngại lòng sông			Sau khi kết thúc khai thác
	Số phao cần được trục vớt	cái	16	
	Diện tích đo, dò sơ khảo bãi cạn	ha	29,9	
	Diện tích vớt các vật nổi trên luồng sau khai thác	ha	29,9	
2	Đo vẽ địa hình đáy diện tích khai thác			Sau khi kết thúc khai thác
	Diện tích đo vẽ	ha	13,54	
<b>II</b>	<b>Cải tạo khu vực bãi tập kết cát và khu văn phòng phụ trợ</b>			
1	Trồng cây xanh xung quanh bãi tập kết cát	cây	296	Tiếp tục trồng bổ sung trong năm 2024
	Khu bãi tập kết cát số 1	cây	110	
	Khu bãi tập kết cát số 2	cây	186	
2.1	Tháo dỡ công trình khu bãi tập kết cát số 1			Sau khi kết thúc khai thác
	Phá dỡ tường	m <sup>3</sup>	613	
	Tháo dỡ mái	m <sup>2</sup>	180	
	Phá dỡ nền	m <sup>2</sup>	186	
	Tháo dỡ cửa	m <sup>2</sup>	10,5	
	Tháo dỡ các thiết bị vệ sinh	cái	4	
	Tháo dỡ máy biến áp	tấn	0,25	
	Vận chuyển các thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi dự án	tấn	100	
2.2	Tháo dỡ công trình khu bãi tập kết cát số 2			Sau khi kết thúc khai thác
	Phá dỡ tường	m <sup>3</sup>	20	
	Tháo dỡ mái	tấn	110	
	Phá dỡ nền	m <sup>2</sup>	110	
	Tháo dỡ sắt thép	tấn	1,5	
	Tháo dỡ cột	m <sup>3</sup>	2	
	Vận chuyển các thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi dự án	tấn	20	

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
3	San gạt mặt bằng khu văn phòng	m <sup>3</sup>	300	Sau khi kết thúc khai thác
4	San gạt mặt bằng			Sau khi kết thúc khai thác
	San gạt mặt bằng khu vực bãi tập kết số 1	m <sup>3</sup>	3.850	
	San gạt mặt bằng khu vực bãi tập kết số 2	m <sup>3</sup>	3.000	
5	Làm sạch các hố bể tự hoại			Sau khi kết thúc khai thác
	Số bể được hút bùn	bể	2	
	Khối lượng gạch phá dỡ	m <sup>3</sup>	5,6	
	Khối lượng đất lấp	m <sup>3</sup>	7,5	
6	San lấp hồ lửng	hồ	2	Sau khi kết thúc khai thác
<b>III</b>	<b>Các công tác cải tạo phục hồi môi trường khác</b>			
1	Duy tu tuyến đường vận chuyển vào mỏ			Sau khi kết thúc khai thác
	Khu bãi tập kết cát số 1	m <sup>2</sup>	4.000	
	Khu bãi tập kết cát số 2	m <sup>2</sup>	2.000	
2	Chi phí trám lấp giếng khoan			Sau khi kết thúc khai thác
	Số giếng được trám lấp	giếng	2	
3	Quan trắc chất lượng môi trường			Sau khi kết thúc khai thác
	Môi trường nước	mẫu	1	
	Môi trường không khí	vị trí	4	
	Môi trường bùn đáy hồ	mẫu	1	
4	Thuê đơn vị xử lý chất thải			Sau khi kết thúc khai thác
	CTNH	tấn	2	
	CTR thông thường	tấn	20	

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 745/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 06 năm 2020 là 314.426.676 đồng.

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung cho khu vực bãi tập kết cát số 2 là 409.999.756 đồng.

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi điều chỉnh, bổ sung tại thời điểm cấp giấy phép môi trường là 724.426.432 đồng.

- Đến năm 2024, Doanh nghiệp đã thực hiện 04 lần ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: 207.496.964 đồng; số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 196.516.674 đồng.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 527.909.758 đồng

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 01 lần.

- Thời điểm ký quỹ: trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

## **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

## **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và quan trắc trong quá trình khai thác.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

- Tuân thủ thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường.

## **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực về thông tin, số liệu, tài liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

4. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ dừng ngay hoạt động khai thác, báo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Giám sát, theo dõi diễn biến sạt lở đường bờ để ngăn ngừa xảy ra sự cố sạt lở.

6. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.

7. Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

8. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu vực mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

11. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai./.